TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2019
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Xuân Hòa
2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Không.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: chòm 4, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ nơi ĐKHKTT: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2019, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02 tháng 6 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng tại nhà bố mẹ đẻ của anh D. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu tính tình nhau, trong cuộc sống không có sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau vì vậy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay

anh D thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng nên mong muốn được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống của mỗi người.

Về quan hệ con chung: Anh D trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Linh Đ, sinh ngày 15/05/2009 và Phạm Ánh T, sinh ngày 03/5/2017. Sau khi ly hôn anh D có nguyện vọng muốn chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ của vợ chồng.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/9/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn D có quá trình quen biết và tìm hiểu và sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 6 năm 2015 tại UBND xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Nay anh D làm đơn ly hôn chị H hoàn toàn nhất trí. Vợ chồng anh D chị H đã có hai con chung tên là Phạm Linh Đ, sing ngày 15/05/2009 và Phạm Ánh T, sinh ngày 03/5/2017. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho anh D nuôi dưỡng vì chị H không đủ điều kiện để nuôi 2 cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ của vợ chồng.

Chị H trình bày do điều kiện công việc ở xa nên chị đã có đơn xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị H đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02 tháng 6 năm 2015 vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D và chị H chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên trong thực tế đã xảy ra mâu thuẫn. Anh D và chị H đều trình bày không còn tình cảm với nhau và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, xét xử cho anh D được ly hôn với chị H. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H tuy nhiên chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì

vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh D và chị H có 2 con chung tên là Phạm Linh Đ, sinh ngày 15/05/2009 và Phạm Ánh T, sinh ngày 03/5/2017. Sau khi ly hôn anh D và chị H đều có nguyện vọng giao cả 2 con chung cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Vì vậy giao cháu Phạm Linh Đ và Phạm Ánh T cho anh Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn D không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Phạm Văn D phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H

2. Về quan hệ tình cảm:

Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị H

3. Về quan hệ con chung:

Giao con chung Phạm Linh Đ, sinh ngày 15/05/2009 và Phạm Ánh T, sinh ngày 03/5/2017 cho anh Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung : Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí anh D phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001372 ngày 02/7/2019. Anh D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương